Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3920.20.10

Mã HS	3920.20.10
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ propylen: / - - Màng polypropylen định hướng hai chiều (BOPP) (SEN)
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 18:10:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39202010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6019
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6019
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6019
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, MM, PH)	0% (trừ ID, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục E)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	2,7	2,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5829
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5790
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5790
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5790
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5790
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5790
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5790
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5834
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5834
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5834

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5834
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5834
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5834
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5832
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5832
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5832
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5832
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5832
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5832
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F5836
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5796
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F5792
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G5792
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H5792
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I5792
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J5792
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K5792
VKFTA	2022	2022	1	VK!E5805
VKFTA	2023	2023	0,5	VK!F5805
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5805
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5805
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5805
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5805
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5858
VCFTA	2023	2023	2	VC!E5858
VCFTA	2024	2024	2	VC!F5858

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	1	VC!G5858
VCFTA	2026	2026	1	VC!H5858
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5858
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5843
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5843
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5843
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5843
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5843
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5843
AHKFTA	2022	2022	5	AKH!D5846
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E5846
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F5846
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G5846
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H5846
AHKFTA	2027	2027	5	AKH!I5846
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D5831
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5831
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5831
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5831
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5831
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5831
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D5833
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5833
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5833
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5833
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5833

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5833
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5815
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5815
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5815
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5815
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5815
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5815
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5815
RCEP A	2022	2022	4,5	RCEPT-A!D5836
RCEP A	2023	2023	4	RCEPT-A!E5836
RCEP A	2024	2024	3,5	RCEPT-A!F5836
RCEP A	2025	2025	3	RCEPT-A!G5836
RCEP A	2026	2026	2,5	RCEPT-A!H5836
RCEP A	2027	2027	2	RCEPT-A!I5836
RCEP B	2022	2022	4,5	B!D5836
RCEP B	2023	2023	4	B!E5836
RCEP B	2024	2024	3,5	B!F5836
RCEP B	2025	2025	3	B!G5836
RCEP B	2026	2026	2,5	B!H5836
RCEP B	2027	2027	2	B!I5836
RCEP C	2022	2022	4,5	C!D5836
RCEP C	2023	2023	4	C!E5836
RCEP C	2024	2024	3,5	C!F5836
RCEP C	2025	2025	3	C!G5836
RCEP C	2026	2026	2,5	C!H5836
RCEP C	2027	2027	2	C!I5836

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	4,5	D!D5836
RCEP D	2023	2023	4,1	D!E5836
RCEP D	2024	2024	3,6	D!F5836
RCEP D	2025	2025	3,2	D!G5836
RCEP D	2026	2026	2,7	D!H5836
RCEP D	2027	2027	2,3	D!I5836
RCEP E	2022	2022	4,5	E!D5839
RCEP E	2023	2023	4	E!E5839
RCEP E	2024	2024	3,5	E!F5839
RCEP E	2025	2025	3	E!G5839
RCEP E	2026	2026	2,5	E!H5839
RCEP E	2027	2027	2	E!I5839
RCEP F	2022	2022	4,5	F!D5836
RCEP F	2023	2023	4	F!E5836
RCEP F	2024	2024	3,5	F!F5836
RCEP F	2025	2025	3	F!G5836
RCEP F	2026	2026	2,5	F!H5836
RCEP F	2027	2027	2	F!I5836
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5385
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5385
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5385
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5385

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3920.20 có 3 dòng thuế; dòng 3920.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Màng polypropylen định hướng hai chiều (BOPP) (SEN).	3920.20.91 Dạng tấm và phiến (SEN); 3920.20.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-003	YELLOW	Có biện pháp PVTM với xuất xứ khác	Chống bán phá giá: Plastic và SP Plastic – áp dụng cho MA, TH, CN (2027/QĐ-BCT). Xuất xứ đã chọn không nằm trong danh sách nhưng cần lưu ý rủi ro lẩn tránh.	TR-14 · Áp thuế chống bán phá giá đối với Plastic và SP Plastic (MA, TH, CN)	2027/QĐ-BCT	Lưu giữ hồ sơ chứng minh xuất xứ và nhà sản xuất thực tế.	Căn cứ: HT + cột chính sách mặt hàng BT2026 (nguồn); phạm vi chi tiết chưa xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3920.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6019), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Áp thuế CBPG Plastic và SP Plastic (MA, TH, CN) (2027/QĐ-BCT-2025)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.